TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 219/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25/08/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngô Chí Nguyện

2. Ông Lê Anh Giàu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Đình – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 456/2026/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2026 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 07 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Thu N, sinh năm: 2006;

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Số CCCD: B

* *Bị đơn*: Ông Ngô Vĩnh K, sinh năm: 2000;

Địa chỉ: Số X, ấp N, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Số CCCD: C

(Bà N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông K vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và các biên bản trong quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Ngô Vĩnh K tự nguyện kết hôn vào ngày 26/05/2025, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long). Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 6/2026 giữa bà N và ông K xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không phù

hợp, vợ chồng đã ly thân khoảng 4 tháng nay. Nay, bà N xác định không còn tình cảm với ông Ngô Vĩnh K nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K. Khi ly hôn, bà N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên là Ngô Huỳnh An Nh, sinh ngày 22/10/2025. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.
- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Vĩnh K mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Ngô Vĩnh K đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông Ngô Vĩnh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71; bị đơn thực hiện chưa đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào nội dung trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa bà N và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung giữa vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N. Ghi nhận bà N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

-*Về con chung:* Có 01 con chung tên là Ngô Huỳnh An Nh, sinh ngày 22/10/2025. Giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng và ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị Thu N và ông Ngô Vĩnh K là tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông K có nơi cư trú tại ấp N, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long, nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông K vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông K là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà N và ông K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 26/05/2025 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà N xác định giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi. Bà N và ông K đã sống ly thân đến nay được khoảng 4 tháng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho bà N và ông K, nhưng ông K vắng mặt, không tham gia hòa giải, điều đó cho thấy ông K không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng hiện bà N và ông K sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, quá trình chung sống hai bên cũng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, nay bà N xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông K. Từ đó có cơ sở để xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: Bà N và ông K có 01 con chung tên là Ngô Huỳnh An Nh, sinh ngày 22/10/2025. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Nh hiện vẫn đang sống với mẹ và được bà N chăm sóc tốt. Quá trình giải quyết vụ án ông K đã được Tòa án thông báo về việc bà N yêu cầu ly hôn và nuôi con chung nhưng ông K không có ý kiến và cũng không có bất K văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu của bà N, điều đó chứng tỏ ông K đã mặc nhiên chấp nhận cho bà N nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo về mọi mặt của con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện

tại của con chung nên Hội đồng xét xử giao cháu Ngô Huỳnh An Nh cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về án phí: Bà N là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu N được ly hôn với ông Ngô Vĩnh K. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Huỳnh An Nh, sinh ngày 22/10/2025 cho bà N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà N được quyền trực tiếp nuôi con không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Bà N trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Về nợ chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009922 ngày 22/05/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà N đã nộp xong án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 – Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết